

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thành lập và chính sách hỗ trợ đối với
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTXH của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 491/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập và mức hỗ trợ đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 249/BC-BPC ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về việc thành lập và chính sách hỗ trợ đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số nội dung, mức hỗ trợ cho người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập: Mỗi thôn (bản), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên:

a) Thôn (bản) có từ 350 hộ gia đình, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 04 thành viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và 02 Tổ viên;

b) Thôn (bản), tổ dân phố còn lại: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 03 thành viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

Điều 3. Mức hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Tổ trưởng: 2.540.000 đồng/người/tháng;

b) Tổ phó: 2.440.000 đồng/người/tháng;

c) Tổ viên: 2.340.000 đồng/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: Ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 6 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP, nhưng tổng mức hỗ trợ của trung ương và địa phương không vượt quá 100% mức đóng;

c) Trường hợp thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, đã được hưởng chế độ bảo hiểm y tế hoặc không tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật, thì không được hưởng kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản này.

3. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi được cử đi thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ:

a) Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 01 giờ làm việc ngày thường x 200% x số giờ làm thêm thực tế; khi làm nhiệm vụ vào ngày lễ, được hưởng mức bồi dưỡng bằng 01 giờ làm việc ngày thường x 300% x số giờ làm thêm thực tế;

b) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bồi dưỡng tiền làm thêm giờ quy định tại điểm a Khoản này không vượt quá 200 giờ/người/năm. Cách tính mức bồi dưỡng 01 giờ làm việc ngày thường là mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng của người đó chia cho 26 ngày và chia cho 08 giờ;

c) Khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hưởng mức bồi dưỡng 50.000 đồng/người/ngày; trường hợp làm việc dưới 04 giờ thì được hưởng mức bồi dưỡng: 30.000 đồng/người/ngày. Căn cứ xác định công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành bổ sung Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

d) Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng, được hưởng mức hỗ trợ, bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm: 50.000 đồng/người/ngày;

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách, được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ lưu trú trong thời gian làm nhiệm vụ theo mức chi tại các văn bản quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Mức hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị: Theo thực tế phát sinh, trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định của Nghị định số 40/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành;

b) Hỗ trợ công tác huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức: Theo thực tế phát sinh, trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định của Nghị định số 40/2024/NĐ-CP, Thông tư số 14/2024/TT-BCA và các quy định hiện hành;

c) Hỗ trợ đảm bảo điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: 300.000 đồng/Tổ/năm.

5. Mức hỗ trợ trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định số 40/2024/NĐ-CP.

6. Mức hỗ trợ thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự khi được phân công, điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương:

a) Khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế công lập được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày (kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện): 70.000 đồng/người/ngày;

b) Trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế của đối tượng này khi tham gia bảo hiểm y tế;

7. Mức trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí đối với người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết khi làm nhiệm vụ (kể cả trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết):

a) Tiền tuất, trợ cấp một lần: 50.400.000 đồng/người;

b) Tiền mai táng phí, trợ cấp một lần: 18.000.000 đồng/người.

8. Hỗ trợ sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức: Theo thực tế phát sinh, trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, định mức chi tổ chức hội nghị theo quy định của tỉnh Lào Cai về chế độ chi hội nghị.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thành lập và chính sách hỗ trợ đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND

ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số nội dung và mức hỗ trợ cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Yên Bái hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ số thứ tự 63 Mục II.1; số thứ tự 40, 41 Mục II.2 Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Lưu: VT, BPC.

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng